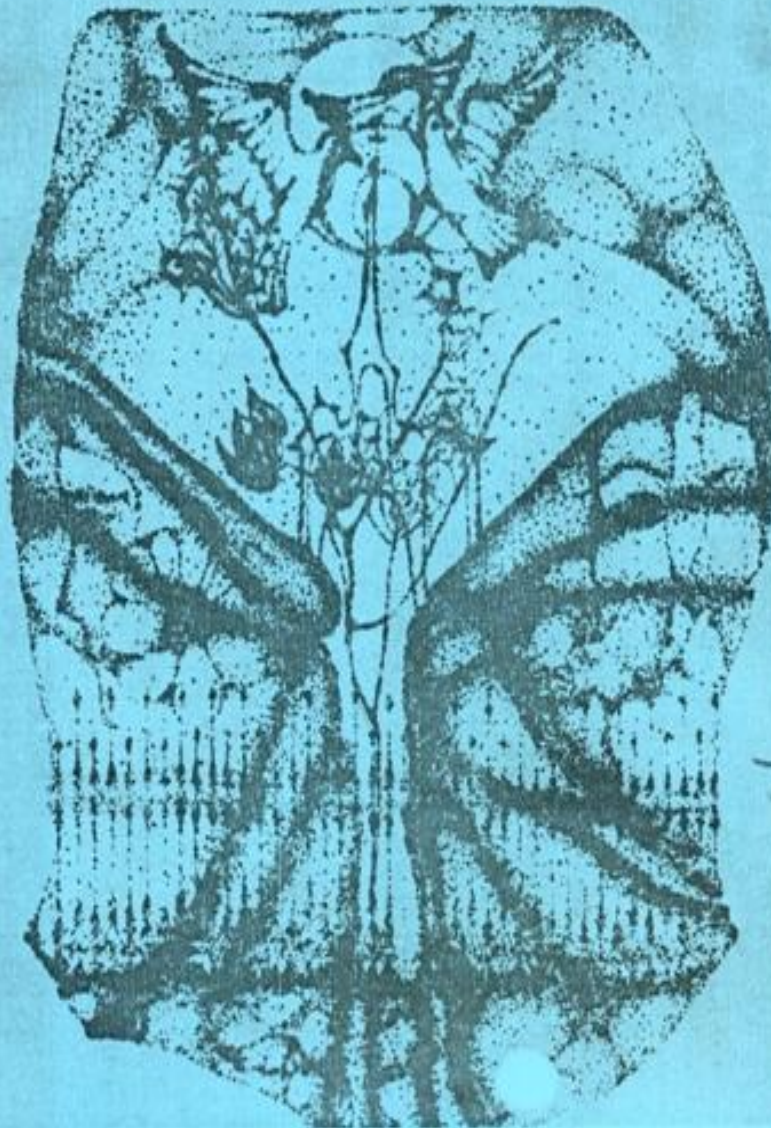


giai pham

1975-1977

MUỘN HẠO C

TRUNG ĐOC NENU OPHU TRUNG



ĐÔI MẮT NGƯỜI ĐÓNG
CÁI ĐÓNG NGƯỜI ĐÓNG
ĐÔI MẮT NGƯỜI ĐÓNG

Thi ca là tiếng nói tha thiết nhất, mãnh liệt nhất
khởi từ một thực trạng cô đơn khủng khiếp. Người cầm bút
bút chỉ có thể vẽ ra trang giấy nỗi lòng của mình một
khi tâm hồn là đôi thông xanh mượt và nửa đông rét còn
còn chung quanh. Đôi thông là nỗi cô đơn ngạo nghễ, cô
đơn với chính niềm hạnh phúc hay bất hạnh, cô đơn với
đôi mắt ngó hân hoan hay bờ môi cắn cắn một niềm tin
cực tít ngát... Sáng tạo đồng nghĩa với cô đơn trước tác
tác phẩm nghệ thuật. Chấp nhận cô đơn là đã chuẩn bị
cho một hoàn thành. Một tác phẩm mang theo những đường
một lẽ đời của kẻ sáng tạo chính nó. Như thế, thi ca nói
riêng, là bảo thai phôi dưng từ một cuộc hôn phối giữa
niềm cô độc và dự phóng văn chương trong tâm trí nghệ
sĩ. Đặng tran Côn, kẻ đã vĩnh viễn cô độc trên chính tác
tác phẩm mình. Chính phụ ngân khúc, tác phẩm đã bắt từ đ
để xác nhận những tháng ngày ông cô đơn trong lòng đất
trên ngọn bạc lay lật một màu vàng bệnh hoạn. Từ dưới
một hạt sâu, cô đơn với vuốt sắt cau mạnh vào trái tim
ông chạy như đôi mắt sáng rực, thơ thiết, dần dần ngó và
vào hơn nữa. Mọi đố có gì? Mau, nước mắt và người chính
phụ ngày đến về bờ nhớ chông, do từ đó, đôi mắt của thi
sĩ dần dần hiểu kết, mọi mối, xa vắng theo từng biến chuy
chuyển tâm tình của nàng chính phụ. Hai đôi mắt hai tâm
hôn trọng một thoáng chốc linh thánh đã hoà nhập, tan b
biến vào nhau để ứa ra dòng nước mắt ghen ngào, bi th
thiết. Những giọt lệ ấy là những lời thơ bất hủ của họ
Đặng. Lời thơ kêu gọi van xin một bóng dáng tuyệt vời t
trở về. Đó là hạnh phúc.

Hạnh phúc, một chiếc bóng mờ hồ chợt đi chợt đến. L
là đất hứa của những bước chân trên hành trình tìm đến.
Tôi muốn nói hạnh phúc phụ một thiên đường. Thiên đ
đường có bóng mây xanh là khói của chén cơm, đoàn tụ, c
suối ngọt ngào là giọng nước mắt vui mừng của ngày hội
ngộ, có lá xanh là nụ cười, có cỏ cây là nét ngó hân hoan

hoan. Thiên đường thật giản dị tầm thường nhưng có bao giờ chúng ta tìm thấy? Chưa một ai, không một ai. Câu nói có vẻ bị quan quá đi. Nhưng đó là thực sự. Bởi hợn người luôn luôn hướng đến tuyệt đối, cái tuyệt đối trong một khung cảnh tầm thường.

Và thiên đường đã mất đi trong đời người chính phủ nằm xua, từ một thuở đất trời lên cơn gió bụi và nắng bắt đầu khoáng đời truân chuyên, lay lắt trong trái tim bất ngạt quanh hịu:

Thuở trời đất mới cơn gió bụi

Khách rả hồng phiêu nổi truân chuyên,

Tôi nghĩ: gió bụi của đất trời, binh đao của vận nước, hay bão tố của đời nâng?

Bão tố đã đến từ lúc 'trông trăng thành lung lay bóng nguyệt'. Bão tố đến, cuốn đi những sáng mai xanh, những buổi chiều vàng, những mối hôn măt liếc của hai tâm hồn son trẻ.

Bùi Giáng nói: biệt ly là qui luật, hội ngộ là ngẫu nhiên. Và tôi đã thấy cảnh chia tay trong từng khắc một. Tôi đứng pho với 'giọt lệ' trên bến tàu mua 'thu', Nguyễn Mĩ Bình với 'Hôn nhau lần cuối' trên sân ga, Yên Thao với 'Nhà tôi' từ già... Tôi thấy và rung động. Nhưng chưa bao giờ muốn khóc như chứng kiến một lần cuộc gia biệt trợ trong Chính phủ ngâm khúc dưới ngòi bút thần thánh của Đặng Trần Côn. Mặc dù đã bao lần tôi tự nhủ: biệt ly là qui luật, hội ngộ là ngẫu nhiên. Cuộc đời có đó để tạo dựng những cách ngăn bí thân. Và tôi, kẻ đã lần lần khóc nước một bóng hình vô danh đã cùng tôi già biệt từng phút từng giờ. Nhưng, tôi vẫn bàng hoàng sùng sốt khi lần đầu thấy họ, chính phủ và chính phủ xa xưa, cầm tay nhau bên dòng nước:

Ngồi đầu cầu nước trong như lọc

Đường bên cầu có mọc cỏ non

Đưa chàng lòng đặc đặc buồn

Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền

Nước trong chảy lòng phiền chàng rửa

Cỏ xanh thơm dạ nhớ khó quên

Nhủ rồi tay lại trao liền

Bước đi một bước lại vin áo chàng.

Tôi, rung mình khi thấy. Thấy, chứ không phải hình dung. Không cần hình dung vạn thấy. Đây đây: dòng sông ch chẩy lững lờ. Chiếc cầu chênh vênh như tháp phận lấm ng người. Nước trong vắt là biểu tượng của tình yêu trinh tuyền toàn bích. Và hạnh phúc, thơm ngon như cỏ cây xanh ngắt trên bờ. Nơi đó, họ chia tay phau và dang xa là đoá đoan quân, chân ngựa rợn rã. Nơi đó, chàng nuôi tiếc như nhưng đành phải ra đi. Nơi đó, bàn tay nâng run run nửa

áo chùng. Bước đi một bước lại vin áo chàng. Bàn tay như
nuon bấu vùi, niu kéo lại một hạnh phúc sắp sửa tan vỡ.
Bàn tay thanh xuân phiến nuon, nâng ước ao gì? Chỉ được
lầm chiếc dờ đưa chàng sang sông. Chỉ mong là con chiến
mã theo chàng ra trận mạc. Một ước vọng quá đời thì
thiệt và tội nghiệp. Có diều, thực và vọng không là một.
Nâng nuon đẹp hạnh phúc hơn quá vô để với bất xót xa, g
gọi nụ hôn nồng nàn đã nát trở lại để phối pha cay đắng.

Tôi hiểu được, có thể bỏ cỏ đã lên hương gây mùi n
nhỏ, dòng nước trong vắt đã gợi hình đến niềm hạnh phúc
nạt tằm. Tôi không nuon chú giải thi ca. Nội như một ai
đó, cánh cửa của vũ trụ thì ca mở ra và đóng thời khép
lại trước mọi công trình chú giải. Mọi mưu toan chú giải
giải thi ca đều bất lực. Thi ca có đôi song riêng của n
nó. Hãy đến bằng chân bước của cảm nhận. Tôi đã cảm nhận
và viết ra. Có thể tôi đã giết chết hồn thơ và còn lại
một mô ký hiệu ngôn ngữ rạc ròi. Tôi biết, quy có diều
chữ viết phư nuon vệt, ra ngòi, do một thời thúc ký lợ
và tôi phải chịu nó. Bởi làm sao tôi gian giữ một bản
ảnh thế thiệt như thế được trong lòng? Hình ảnh của máu
lũng dâng xa đời mất nung. Máu và lửa. Biểu tượng kinh
khủng của chính chiến.

Tự bao giờ, chính chiến là hồ sâu ngớt cách. Đại đư
dương của chia rẽ. Con chim uyển đã gặp xanh bên này do
dòng sông và chim ương nại giết với nhau. Không nơi đây
xa học hút. Nâng đã trở về để nghe 'sầu lên ngọn ai', để
thay 'oán ra cửa phòng'.

Chính chiến là thế, nhất khứ có thể bất phục phản.
Nâng đã thấy gì ở khoảnh khắc vĩnh cửu trong lòng nâng
Một thoáng mà thôi. Hư tích tu, nâng thấy gì? Có phải t
trước mặt là năm tháng quanh hiu? Có phải sau lưng là n
nói hạnh phúc ngủ ngủ và hiện tại là xót xa cay đắng
Tôi thấy tội là cánh bèo lênh đênh trên dòng tằm
khấp của nâng. Bởi hơn bao giờ hết, trong ngày tháng có
đơn rã rời này, với những tình cảm mong manh, những thoáng
thoảng chốc gặp gỡ ngọt ngào như một giác ngộ chợt để
đến chợt đi. Tôi cũng nhớ đến Huy Cận, tình đi nay, sầu ở
lại lâu dài... Vì ta đợi nên người chẳng đến, người xa t
ta xa từ buổi sơ sinh. Tôi rưng rưng khi đọc những câu
thơ buồn bã ấy. Mùa xuân của hạnh phúc đã chết khi mới
phối thai. Cuộc đời bày ra ly biệt để ước mong hội ngộ.
Nhưng không còn gì đến đau hơn khi cuộc ly biệt xảy ra
giữa lòng người. Cuộc biệt ly của đôi tình nhân trong v
vòng ôm triu mến. Gắn nhau đó nhưng cách biệt nuon tròn
trùng.

Chinh chiến khiến chia ly. Nàng đã oán hận máu lửa
Nhưng tội còn căm hận hơn cuộc thành chiến trong lòng
minh. Cuộc chiến tranh không máu lửa nhưng chan hoà nước
nước. Yêu nhau có phải là một ân thanh hoá điệu tuyệt v
vời giữa hai tâm hồn? Có phải là 'gặp mặt rồi phút bóng
chia tay' ?

Trong đêm xa xăm, trăng toát câu thơ trở về như mộ
một âm ảnh ray rứt, hân khoan.

Tạm biệt, có thể là muốn đời không gặp gỡ. Mùa xuân
chỉ thoáng hiện để còn lại một mùa đông lẻ thế buốt re
rét.

Chiến tranh, như thế, đã là tội ác dù được nhân dân
đánh bởi một chủ nghĩa nào. Là khởi nguồn cho những đên
đau căm giận. Điều đó hiển nhiên để trở thành sáo ngữ. k
khi nói đến.

Đến đây ta thấy hồn chinh chiến
Trong mắt em chiếu lệ chảy quanh.

(Lê nguyên Ngũ)

Đôi mắt của người em trong thơ hôm nay còn phảng
phất đôi mắt xa xưa của nàng khi tâm hồn trông với thơ
theo bóng phở của người chồng yêu dấu:

Dầu chàng theo lớp mây đưa
Thiếp nhìn rặng núi ngàn đờ nổi nhả
Chàng thì đi cõi xa mưa gió
Thiếp lại về buồng cũ gói chằm
Đoái trông theo đã cách ngàn
Tuôn máu mây biếc trái ngàn núi xanh
Chọn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại
Bến tiêu tương thiếp hãy trông sang
Khởi Hàm Dương cách Tiêu tương mấy trùng
Cây Hàm Dương cách Tiêu tương mấy trùng
Cũng trông lại, nà cũng chẳng thấy
Thấy xanh xanh chỉ mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

Từ đây, mùa giông bão bắt đầu trong lòng nàng. Cảnh
nhìn của luyện lưu chỉ bập bềnh những mây xanh núi biếc
Có lẽ núi mây như dòng lửa với chiến chinh để ngăn chặ
chặn chốt hạnh phúc cuối cùng. Giông sông trôi hoải nốt
nhịp thơ càng lúc càng nặng nề ai oán. 'Núi cao chỉ là
lên núi đi, núi che mặt trời không thấy người thương'. B
Động tội nhuộm đen của hồn nàng đang vội vàng hình ảnh
của người chồng yêu dấu càng lúc càng mờ nhạt cho đến k
khi mắt hút. Có ai nhìn thấy đôi mắt ấy? Đôi mắt như bầu
vú, như van nài rửa rửa nước mắt. Màu xanh của núi rừng
ngàn dâu là màu đen u ám thế lương của lòng nàng.

Bóng chàng đã tắt hết thực sự. Nàng còn lại một hồ
hồn đầy tưởng tượng mơ màng. Chuôi liền tưởng tự phút g
giây đó như sức sống linh thiêng, như hơi thở của trái
tim nàng căng đầy một ước vọng đoán tự âm nòng, nhưng t
thực tại là nơi cô đơn rét buốt ngóng trông:

Chàng từ đi vào nơi gió cát
Đèn trắng này nghỉ nơi phương nao
Câu thơ khiến tôi liền tưởng đề dứng đến hình ảnh
của người lính thú hồn nay trong thơ Phạm Ngọc Lư:

Chiến trường nếm binh như vãi đậu
Đoàn quân ga bay bay khắp bốn phương
Lớp lớp chôn lên đê bẹp núi
Núi mang gao điện ngọt oan hồn
Đá mang dạng gập hờn chính phụ
Trơ vó chóp núi đứng bóng con
Khu chiến ngày tràn lan lửa dấy
Đá vọng phu mọc khắp biên cương
Biên cương biên cương đi biên biệt
Chưa hết thanh xuân đã cùng đường
Trông núi có khi lam bóng vợ
Ôm đã nả vợ chuyện yêu đương
Thôi em xá chi ta nả đời
Xá chi hạt cát giữa xa trường

Ngay về không hẹn ngày hôn

Hay là ngày mất nhân tay buông

Hình ảnh của chiến chinh bao giờ cũng như bao giờ,
có khác chăng là ở hình thức chiến đấu. Những lòng vana
mọt. Đó là lòng mong muốn ngày về. Là nơi khát khao tốt đ
độ. Là tiếng gọi thét giữa núi rừng nghìn năm cô tịch k
kêu đòi một mùa xuân hạnh phúc đến gần. Hơn bao giờ, ngư
người lính khách, kẻ viễn chinh, tha thiết nhờ đến hơi ăng
gợi chân gia đình. Tôi nhớ đến người lính trong tác ph
phần của Erich Maria Remarque, kẻ đã có một chiếu qua x
xạm lạ, chợt bắt gặp mùi hương soạn của cô xứ. Và sau mộ
một đêm thao thức nhớ nhung đến mẹ già, đến quê hương, đ
đã nát tích. Chàng đi theo tiếng gọi của trái tim, của m
mùi hương quê quán.

Ngay về. Nơi mong ước thế thân, nả rức nỡ trọng lòng
lòng người chinh phu thủa đó và của muôn kẻ muôn đời. N
Ngày về. Có lẽ đó là niềm hạnh phúc bao la, choáng ngợp
của người lính thú. Nhưng hôm nay, chiến trường không ch
chỉ là nơi quan đi, biên trấn. Chiến trường nơi nơi, mọc
chợ. Chiến tranh có mặt từng phút từng ngày. Từ thôn qu
quê hөг lãnh đến thành phố cường nộ. Từ đèo cao dốc thẳ
thẳm đến vùng biển xa xôi. Từ trong đến ngoài biên cương

cương quốc gia. Tất cả như sẵn sàng đổ nát trước bọn đã
đạn rập rình. Ngày về chưa hẳn là mùa xuân như ý, có thể
lệ nơi đau đớn thống khổ. Ta có thể gặp nơi ế chế cầm h
hạn trong 'Máu tím hoa sim' của Hữu Loan:

Một chiều rừng mưa

Bà người anh tù chiến trường Đông Bắc

Được tin em gái mất

Trước tin em lấy chồng.

Hôm nay, Vũ hữu Định gặp một tình cảnh bị dất hình
hậu như nơi thống khổ tăng dân với tốc độ tiến triển c
của kỹ nghệ chiến tranh:

Thôi chàng về chỉ thôn xóm quanh

Nhà xưa giờ chắc cũng điêu tàn

Đứng đây đường cái quan bên núi

Ta cũng đã trần long nề nề

Chiều dặng mưa xưa trên vách núi

Chiều nọ mộng khói buổi ta về

Mẹ chị dân em không có nộ

Thần ai? Thần ai? Ta về quê

Chiến tranh tự nó là vết ung thư ghê khiếp trên q
guê hương và trong trái tim người. Nàng chinh phụ ngày x
xưa có tan hồn loang ló vì chỗ chồng, héo hắt vì mong n
ngong. Dù cách xa ngàn dặm, vẫn nhớ thương chồng, thương
hơn bao giờ hết là đấng khác.

Tình gia thất nào ai chẳng có

Kìa lão thân khuê phụ nhớ tà

Mẹ già phở phất mái sường

Còn thơ nằng sữa và đường phở ai

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa

Miệng hải nhi chớ bưng nếm cơm

Ngọt bùi thiệp đã hiệu nan

Dạy con đàn sách thiệp lán phụ thân

Này một thân nuôi già, dạy trẻ

Nội quan ngoài mang gè xiết bao!

Với hôn nay, người vợ hiền có thể khác xưa. Không c
còn là người chinh phụ đóng phương thức trước. Không c
còn 'sinh con là một cuộc liều, liệu bao nhiêu cuộc bầy
nhiều đoạn trường' (Tr. T. Kiệt). Người chinh phụ hôm nay
có thể một sơn một chiều nả đối khác. Bối, như nhận định
của một nhà thơ: chiến tranh không nằm một nơi nào nhất
định. Chiến tranh ngay trên hè-phố đầy lon, hộp ngoại nh
nhân. Chiến tranh trong ổ diêm, trên nơi trẻ ngủ diệu S
Salen. Ngay trong tòa Building cao ngất... Cho nên, ngày t
trở về có thể như khúc hát hôm nay:

Rất tử tử anh đi trung sĩ

Em ở nhà lấy vợ nuôi con
Một mai xong việc nước non
Anh vợ anh thấy Mẹ con anh bồng.
Câu cuối nói lên sự chấp nhận cay đắng. Bởi không
phương cách nào khác. Cái bí ẩn của cuộc chiến này là
thế đó.
- Tôi muốn trở về với người chính phủ thấy chúng tôi
kia. Bởi tôi đã tìm thấy được một tâm lòng trong cao th
thêm lần đó. Có lẽ đó là một thái độ bị quan tụy nhiên
vẫn là thái độ thích nghi nhất để trên an lòng mình. Có
Còn gì cần động hơn:

Thỏa cùng hận thuở ngày xuất gia
Gương lau Tận dấu đã soi chung
Cây ai mà gọi tôi cùng
Đẻ chàng thâu hết tâm lòng tượng tự
Nhân đeo tay mọi khi ngắm nghĩa
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi
Cây ai mà gọi tôi nơi
Đẻ chàng trận trọng dấu người tương thân.
Kỷ niệm, luôn luôn nhắc nhở đến hiệ anh cũ, gợi lại
lại chút dư âm của hạnh phúc để cuối cùng rung rinh và
trong hoài niệm. Có thể kỷ niệm là một chiếc bùa hộ mệnh
mệnh cho khoảng ngày còn lại gia bằng, lấy lát. Bây giờ
nắng cội đó, với đời sống hoang phế dù còn mẹ già và đàn
con trẻ. Tuy thế, vẫn còn một chút hạnh phúc nhỏ nhoi mà
hôm nay chúng ta khao khát bởi bom đạn đã tàn.
Những người dân ông không có thì giờ để làm á
ái tình
Những người dân bà không có thì giờ để cứu na
nang
Những ông thái không có thì giờ để ra đời
Những vợ trẻ không có thì giờ để nô giỡn
Những thân cha non không có thì giờ để yêu đương
Những người lớn tuổi không có thì giờ để gian
nua
Những kẻ bạc đầu không có thì giờ để chu toàn
cái chết. (Kiệt Tấn)
Quê hương bây giờ với thành phố:
Xe phát-tiết nó giữa phố đông
Giữa phố đông người tung từng mảnh thịt.
Với thôn quê:
Nơi đồng bào ta ăn bom đạn thay cơm
Nơi vải thổ không đủ để chít đầu con trẻ.
(Trần Dạ Từ)
Bởi thế cây hy vọng hầu như trở trụi, không xanh u

un những chồi non, lộc biếc như vườn hoa trước nhà nân
nàng chính phụ thủa trước.

Con người sống cần phải thấp sáng ánh lửa hy vọng
trong lòng giữa trí, bởi lẽ thiếu hy vọng, con người
sẽ hiu hắt sống đời sống của một nơi chết buồn
rau, lạnh lẽo. Và hơn đâu hết, nghệ thuật là hiện thể cao
cao độ nhất của ước mơ. Thiếu ước mơ, đời sống khô cằn
và nghệ thuật tiêu trần. Nói cách khác, hy vọng chính là
lửa sức sống.

Người chính phụ cũng thế. Niềm tin tưởng hướng về
một ngày về của chồng được tha thiết, man mẫn sâu trong
trọng khúc ca đẹp và thực, huyền hoặc và uyển chuyển d
diễn tả qua hành động mê tín, đầy tính chất dân bản:

Mưa mưa, trường tuyết xông pha
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoi
Đề chữ gán phong thổi lại nó
Gieo bó tiên tin để còn ngờ.

Trong tác phẩm, ta còn bắt gặp những chi tiết tươ
tương tự như thế. Tất cả đều nói lên một tâm trạng đượ
được nuôi dưỡng bằng hơi thở của hy vọng. Hy vọng một
ngày căng tràn nắng ấm, chan chứa tiếng cười hoan lạc
của mùa xuân hạnh phúc.

Anh đã tin và tôi đã tin
Ngày quê hương cười bất ngất.
(Tân hoài dạ Vũ)

Và khi đó:

Anh sẽ dạy con biết yêu tiếng mẹ
Đem ca dao làm khúc hát tổ tình
Sẽ cấy ruộng ươm tằm nuôi chi trẻ
Bên bếp hồng kê sự tích rồng tiên

Vì:

Đời chúng ta, mà nên đời con phải
Thần thế chúng ta tột nguyên nên con phải đã
đầy đủ chân tay (CHDV)

Ước vọng, nói như một khẳng định, sẽ không bao giờ
chết trong lòng người dù thực tế đã tận cùng bi đát. L
lúc nào còn hơi thở là lúc đó niềm hy vọng còn thơm n
ngát như hương cau mới sống.

Chiến chính đồng nghĩa với giọt lệ. Nhưng trong g
giọt lệ ta còn tìm thấy năng lượng của hy vọng, trong t
tiếng khóc còn tìm được nụ cười xanh non (Dạ tú Lê).

Người chính phụ vẫn chờ một sớm mai từ đằng xa t
thấp thoáng bóng người tình nắng khăn sửa áo. Dù bấy g
gió van:

Trời hôn, tựa bóng ngấn ngọc
Trăng khuya, nương gối bó phở tóc mai

Hổ như ai hờn sại bóng lân
 Bóng thơ thơ thẩn thẩn hư không
 Trăm cái, xiêm giắt thẹn thùng
 Lạch lạch tóc rơi lòng vòng lưng eo
 Hình ảnh tiêu tụy đó đã gây một chấn động trong lòng người đọc. Từng chữ là một tiếng nấc khô, héo hắt. Đọc từng câu để nghe cơn xúc dâng tràn.
 Dưới một đèn trắng, trong một khuya về sáng, lộ loi một mình, người chinh phụ như mất hồn thất bóng. Trái tim tin nằng như bay theo gió bụi theo chồng trên dạn trước trường thiên lý. Dung nhan từ đó vô ích:
 Mặt biêng tộ niêng càng biêng nói
 Sớm lại chiều đôi đôi nương nương
 Nương song lưỡng ngán ngờ lòng
 Vắng chàng điếm phàn trang hồng với ai.
 Thời gian là con dao hai lưỡi; ở đây đã rạch nát trên mặt nằng những nét nhăn gập nếp vì sầu nhớ tương tự. Là bàn tay đã ngắt đi những búp hoa trên thanh xuân nằng. Câu thơ chứa rất nhiều ẩn dụ đã nói lên điều đó:
 Cảnh buồn người thiết tha lòng
 Cảnh cây sương giọt, tiếng trùng mưa phun
 Sương như bùa bỏ gòn góc liễu
 Tuyết đường cựa xé héo cảnh khô
 Giọt sương phủ bụi chim gù
 Sầu tưng kêu vắng, chuông chèo xa khơi.
 Câu thơ chảy dài cân xác như tiếng khóc cổ đơn thơ thiết nhất. Alfred de Musset đã nói, tiếng khóc trần thông nhất là bài thơ hay nhất. Đây chính là đoạn thơ hay nhất. Cái hay của ngôn từ chắt chiu, dẻo gọt để chỉ chính xác diễn tả. Sương là biểu tượng của thời gian, đã bỏ gòn góc liễu là nằng. Tuyết là nơi băng lạnh công bu buốt cùng cựa cựa cố đọc, xé héo cảnh ngộ là trái tim lo loang lo, tả tơi.
 Bao giờ cũng thế, 'người buồn cảnh có vui đâu bao giờ'. Tiếng chim hót là tiếng rủa mai. Hội trong vọng là lời châm chọc vào tâm hồn quanh quẩn nằng:
 Ca quyền gheo, làm rơi nước mắt
 Trong tiêu khua, như đốt buồng gan
 Vì chàng, lệ thiếp nhỏ đôi
 Vì chàng, thân thiếp lẻ loi một bề.
 Quá đau đớn, nằng đắm nghĩ ngờ. Ở đây, người đọc có thể bắt gặp được nỗi lòng của chàng, tâm lý của người nữ của một ánh mắt cho đi quá nhiều thương nhớ nhưng nhận được chỉ bóng hư vô:

Hương dương lòng thiếp phụ hoa
Lòng chàng lặn thấn e tà bóng dương
Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái
Hoa để vàng bởi tại bóng dương
Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
Trái xem hoa rụng đêm sương mấy lần?

Nghệ thuật tuyệt vời khi lấy đi lấy lại tiếng 'hoa'
khiến cho người đọc cảm thấy màu vàng của hương dương
bay tan tạc, mệnh mang, và thấy rõ được một dung nhan r
rơi tán từng cánh, từng cánh.

Gió bụi của chính chiến khiến một hồng nhan tuyệt
vời thành một kẻ gia nua buồn bã. Nụ cười trở thành hi
hiem muộn và đứ thừa giọt lệ mỗi món sâu nhỏ.

Tâm hồn của nàng đã được vẽ lại thành một dòng th
thơ chan chứa những hình ảnh màu sắc buồn rầu, khô ch
chết. Thơ như thế không còn là thơ, đó là một hành động
mãnh liệt và nhiệt tình nhất để phản đối chiến tranh.
Tái họa của Đặng Trần Côn quá đời tuyệt vời. Dòng tạc
khắp của người chính phụ được dẫn trải bằng chính máu
của thi sĩ.

Trở lại trong hầm tối của ông của năm xưa, tôi th
thấy một bóng hình tiêu tụy, bờ phò đang gục đầu trên b
bện vách lát lay ngọn đèn vàng ủa sắp tắt. Người đời v
van nghĩ theo một truyền thuyết, Nguyễn-Đu khi sáng tá
tác tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh sẽ phải lột sạch đ
đề năm, và từ đầu hôm cho tới sáng, khi đèn cuối dứt, n
người đã già đi hai mươi tuổi, tóc râu: thậm thướt xác
xơ trắng xóa. Tôi tin chắc Đặng Trần Côn cũng thế, và m
mọi nghệ sĩ đều như một câu thơ của người xưa:

Người đẹp phen tương hay chết yêu

Thi nhân đều bạc sớm hơn ai.

Bên ngọn đèn cạn dầu, Đặng Trần Côn với đôi mắt tr
trắng đục, người đã thấy gì ở chung quanh? Có phải mỗi
phần vụng trên bức vách của căn hầm âm thấp, lạnh lùn
lùng là một đôi mắt của muôn ngàn chính phụ đang căm
căm nỡ nuốt ngó nhíp?...

-Tôi đã hỏi, đã tưởng tượng rồi chẳng bao giờ có th
thể tự đáp cho chính mình. Bởi tôi vụng vụng, say mê cho
choáng ngợp trước vẻ toán bích của tác phẩm đong đầy
máu lệ đó. Tôi rong ruoi, lét lét theo từng chữ từng câu
Những thoáng của hiện tại hòa nhập với từng giây phút
thực xưa xa lắc. Tôi quên và nhớ. Tôi sáng suốt đến r
hoảnh và-u mê như bóng đêm đen đúa. Tôi lạc loài trong
tác phẩm. Giọng chữ này được viết ra trong một tâm tr
trạng như thế nên có thể đảo lộn, xóa bỏ mọi trật tự t

thông thường. Có thể đặt tên cho nó là gì? Biện, khảo, từ
tay bút, tâm bút văn đàn. Tôi gọi là giao bút, là một th
thoảng gặp gỡ giữa hồn và hồn. Trong tháng ngày quạnh
quê tôi sống hôm nay...

...Hegel nói: thơ là ngôn ngữ mới nhất, Một nhà thơ
nói: thơ là hành động mới nhất. Tôi muốn nói: thơ là nơi
hẹn hò gặp gỡ mới nhất trong cuộc bụi lấm thõng khô n
này.

Nói theo một triết gia: không ai tắm hai lần tron
trong một dòng sông. Một học giả nói: không ai đọc hai
lần một tác phẩm. Chính phụ ngân khúc của tôi ngày mai
sẽ thế nào? Không biết, nên trân trọng ghi lại và đọc l
lên cho bạn bè cùng nghe cảm giác hôm nay để đánh dấu
một bước đi trong cuộc đời người viết./.

TRẦN XUÂN AN

Đêm 08.02.1973

**CHÂN THÀNH CẢM ON QUÝ BẠN
(LỚP 12C,
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHAN CHÂU TRINH,
ĐÀ NẴNG
NIÊN KHÓA 1973-1974)
ĐÃ LƯU GIỮ ĐƯỢC GIAI PHẨM NÀY
CỦA LỚP CHÚNG TA NGÀY ẤY:**

1) ĐOÀN VĂN TRI

2) PHẠM HỒNG THẮNG

3) PHÙNG VĂN HOÀNG

**Trần Xuân An
14-9 HB11 (2011)
tại TP.HCM.**

**VUI LÒNG XEM BẢN CHUẨN XÁC
(ĐÁNH MÁY VI TÍNH)
DƯỚI ĐÂY**

TÔI VÀ NÀNG CHINH PHỤ XA XƯA (bài viết năm 17 tuổi)

Trần Xuân An

Lời thưa trước: Chiều hôm qua, 12-9 HB11, tôi rất vui khi được gặp lại hai người bạn cũ, Phùng Văn Hoàng và Đoàn Văn Tri, vốn cùng nhau học lớp 12C Trường Trung học Phan Châu Trinh, Đà Nẵng, niên khoá 1973-1974. Giữa cuộc chuyện trò tại quán cà phê gần nhà, Hoàng có nhắc đến một bài viết của tôi và các tác phẩm của bạn bè trong giai phẩm Tết Nguyên đán năm ấy (*). Giai phẩm đó đã được Phạm Hồng Thắng (hiện đang ở Đà Nẵng) lưu giữ bản gốc. Thắng đã sao chụp để tặng lại Hoàng. Thế là cả ba đều đi về nhà Hoàng để xem lại ấn phẩm ronéo đầy kỉ niệm với nhiều chữ kí lưu bút (**). Mặc dù đã được sao chụp lại (photocopy), nhưng may thay, vẫn còn rất rõ nét.

Bài "Tôi và nàng chinh phụ xa xưa", tôi viết vào năm 1973 tại Đà Nẵng, trong bối cảnh với không khí xã hội và tâm trạng đặc trưng của Miền Nam Việt Nam thuở bấy giờ. Chủ đích của bài viết được thể hiện rất rõ. Đó là tư tưởng phản chiến (phản đối chiến tranh). Và mặc dù viết về nàng chinh phụ xa xưa của Đặng Trần Côn (nửa đầu thế kỉ XVIII), nhưng đối tượng nhắm đến chủ yếu vẫn là những người đang và sắp bị đứng trong hàng ngũ quân đội chế độ cũ, gồm cả một số cán bộ kháng chiến chống Pháp, chống Nhật (thể hiện qua thơ Hữu Loan, Yên Thao...), bộ phận trung niên, thanh niên có khuynh hướng chống Mỹ, oán ghét chiến tranh hay bế tắc trước thực trạng bối cảnh thuở đó... Đặng Trần Côn bấy giờ, được hiểu như một người trốn lính, đào hầm để sáng tác, thể hiện tư tưởng chống lại chiến tranh phi nghĩa giữa các tập đoàn vua quan phong kiến. "Chinh phụ ngâm khúc" của ông -- đã được Phan Huy Ích (hay Đoàn Thị Điểm ?) dịch ra chữ Nôm -- với tôi ngày ấy, thực sự là một ám ảnh không nguôi. Nếu Đặng Trần Côn chỉ mới thể hiện gián tiếp tư tưởng chống chiến tranh qua tâm trạng sầu thương của nàng chinh phụ, thì qua lăng kính tâm hồn mình, đối chiếu chủ yếu với thơ của những nhà thơ đã thành danh ở Miền Nam trong hai thập niên 60 & 70/XX, tôi thật sự tổ cáo, lên án cuộc chiến tranh ở phía những người lính, quân đội Mỹ và một bộ phận thị dân trong xã hội Miền Nam. Xuyên suốt bài viết còn là khát vọng hoà bình, hạnh phúc.

Vô hình trung (đúng là vô hình trung mà thôi!), bài viết cũng đã đi vào quỹ đạo "binh vận", vận động trốn lính, bỏ ngũ, rã ngũ...

Dấu sao, bài viết cũng thuộc về kỉ niệm khó quên và "chứng từ" cho một thời đã qua...

Trong những ngày nóng bỏng trước thực trạng và nguy cơ "leo thang" xâm lược của Trung Quốc đối với biển đảo của ta trên Biển Đông, bài viết này rất cần phải được tác giả tự phân tích, tự nhận định vài nét chính yếu và xác định rõ thời điểm viết, đối tượng hướng đến và chủ đích của nó. Nói một cách giản dị, chiến tranh phi nghĩa dĩ nhiên cần lên án, tổ cáo, nhưng chiến tranh chính nghĩa, như chiến tranh giành lại và bảo vệ sự toàn vẹn Đất - Nước trước sự xâm lược và âm mưu xâm lược lâu dài của Trung Quốc (chính thức phát động từ 1979), tất nhiên lại rất cần ca ngợi, động viên.

Cuối lời ngỏ này, xin trân trọng cảm ơn các bạn quý Phạm Hồng Thắng, Phùng Văn Hoàng và Đoàn Văn Tri đã có lòng lưu giữ ấn phẩm kỉ niệm của lớp chúng ta, cách đây đã 38 năm!

--- TXA. (13-9 HB11 [2011]) ---

Thi ca là tiếng nói tha thiết nhất, mãnh liệt nhất khởi từ một thực trạng cô đơn (1) khủng khiếp. Người cầm bút chỉ có thể vẽ ra trang giấy nỗi lòng của mình một khi tâm hồn là đôi thông xanh mượt và mùa đông rét cóng chung quanh. Đôi thông là nỗi cô đơn ngạo nghễ, cô đơn với chính niềm hạnh phúc hay bất hạnh, cô đơn với đôi mắt ngó hân hoan hay bờ môi cảm cảm một niềm tủi cực tím ngắt... Sáng tạo đồng nghĩa với cô đơn trước tác phẩm nghệ thuật. Chấp nhận cô đơn là đã chuẩn bị cho một hoàn thành. Một tác phẩm mang theo những đường nét lẻ loi của kẻ sáng tạo chính nó. Như thế, thi ca nói riêng, là bào thai phôi dục từ một cuộc hôn phối giữa niềm cô độc và dự phóng văn chương trong tâm trí nghệ sĩ. Đặng Trần Côn, kẻ đã vĩnh viễn cô độc trên chính tác phẩm mình. *Chinh phụ ngâm khúc*, tác phẩm đã bắt tử đề xác nhận những tháng ngày ông cô đơn trong lòng đất, trên ngọn bắc lay lắt một màu vàng bệnh hoạn. Từ dưới một hầm sâu, cô đơn với vuốt sắt cấu mạnh vào trái tim ông chảy máu. Và ông, đôi mắt sáng rực, thê thiết, dăm dăm ngó vào hồn mình. Nơi đó có gì? Máu, nước mắt và người chinh phụ ngày đêm vò võ nhớ chồng. Để từ đó, đôi mắt của thi sĩ dần dần hiu hắt mòn mỏi, xa vắng theo từng biến chuyển tâm tình của nàng chinh phụ. Hai đôi mắt, hai tâm hồn trong một thoáng chốc linh thánh đã hoà nhập, tan biến vào nhau để ứa ra giòng nước mắt ghen ngào bi thiết. Những giọt lệ ấy là những lời thơ bất hủ của họ Đặng. Lời thơ kêu xin một bóng dáng tuyệt vời trở về. Đó là hạnh phúc.

Hạnh phúc, một chiếc bóng mơ hồ chợt đi chợt đến. Là đất hứa của những bước chân trên hành trình tìm đến.

Tôi muốn nói hạnh phúc như một thiên đường. Thiên đường có bóng mây xanh là khói của chén cơm đoàn tụ, có suối ngọt ngào là giòng nước mắt vui mừng của ngày hội ngộ, có lá xanh là nụ cười, có cỏ cây là mắt ngó hân hoan. Thiên đường thật giản dị tầm thường nhưng có bao giờ chúng ta tìm thấy? Chưa một ai, không một ai. Câu nói có vẻ bi quan quá đỗi. Nhưng đó là thực sự. Bởi hồn người luôn luôn hướng đến tuyệt đối, cái tuyệt đối trong một khung cảnh tầm thường.

Và thiên đường đã mất đi trong trong đời người chinh phụ năm xưa, từ một thuở đất trời lên cơn gió bụi và nàng bắt đầu khoảng đời truân chuyên, lay lắt trong trái tim bát ngát quanh hiu:

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên*

Tôi nghĩ: gió bụi của đất trời, binh đao của vận nước, hay bão tố của đời nàng?

Bão tố đã đến từ lúc "*trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt*". Bão tố đến, cuốn đi những sáng mai xanh, những buổi chiều vàng, những môi hôn mắt liếc của hai tâm hồn son trẻ.

Bùi Giáng nói: biệt ly là qui luật, hội ngộ là ngẫu nhĩ. Và tôi đã thấy cảnh chia tay trong từng khắc một. Tương Phổ với "*Giọt lệ*" trên bến tàu mùa "*thu*", Nguyễn Bính với "*Hôn nhau lần cuối*" trên sân ga, Yên Thao với "*Nhà tôi*" từ

giã... Tôi thấy và rung động. Nhưng chưa bao giờ muốn khóc như chứng kiến một lần cuộc giã biệt trong “Chinh phụ ngâm khúc” dưới ngòi bút thần thánh của Đặng Trần Côn, mặc dù đã bao lần tôi tự nhủ: biệt ly là qui luật, hội ngộ là ngẫu nhiên. Cuộc đời có đó để tạo dựng những cách ngăn bi thảm. Và tôi, kẻ đã lấm lấm khóc nuôi một bóng hình vô danh đã cùng tôi giã biệt từng phút từng giờ. Nhưng, tôi vẫn bàng hoàng sửng sốt khi lần đầu thấy họ, chinh phu và chinh phụ xa xưa, cầm tay nhau bên dòng nước:

*Ngòi đầu cầu nước trong như lọc
Đường bên cầu cỏ mọc còn non
Đưa chàng lòng dặc dặc buồn
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền
Nước trong chảy lòng phiền chẳng rửa
Cỏ xanh thơm dạ nhớ khó quên
Nhủ rồi tay lại trao liền
Bước đi một bước lại vin áo chàng*

Tôi rùng mình khi thấy. Thấy, chứ không phải hình dung. Không cần hình dung vẫn thấy. Đây đây: dòng sông chảy lặng lẽ. Chiếc cầu chênh vênh như thân phận làm người. Nước trong vắt là biểu tượng của tình yêu trinh tuyền toàn bích. Và hạnh phúc, thơm ngon như cỏ cây xanh ngắt trên bờ. Nơi đó, họ chia tay nhau và đằng xa là đoàn quân, chân ngựa rộn rã. Nơi đó, bàn tay run run níu áo chồng. “*Bước đi một bước lại vin áo chàng*”. Bàn tay như muốn bầu vùi, níu kéo lại một hạnh phúc sắp sửa tan vỡ. Bàn tay thanh xuân phiền muộn. Nàng ước ao gì? Chỉ ước được làm chiếc đò đưa chàng sang sông. Chỉ mong là con chiến mã theo chồng ra trận mạc. Một ước mong quá đỗi thiết tha và tội nghiệp. Có điều, thực và mộng không là một. Nàng muốn đem hạnh phúc hôm qua về để vơi bớt xót xa, gọi nụ hôn nồng nàn đã mất trở lại để phơi pha cay đắng.

Tôi hiểu được, có thể bờ cỏ đã lên hương gây mùi nhớ, dòng nước trong vắt đã gợi hình đến niềm hạnh phúc mất tăm. Tôi không muốn chú giải thi ca. Nói như một ai đó, cánh cửa của vũ trụ thi ca mở ra đồng thời khép lại trước mọi công trình chú giải. Mọi mưu toan chú giải thi ca đều bất lực (2). Thi ca có đời sống riêng của nó. Hãy đến bằng bước chân của cảm nhận. Tôi đã cảm nhận và viết ra. Có thể tôi đã giết chết hồn thơ và còn lại một mớ ký hiệu ngôn ngữ rạc rời. Tôi biết. Tuy có điều, chữ viết như muốn vọt ra ngoài, do một thôi thúc kỳ lạ và tôi phải chịu nó. Bởi làm sao tôi giam giữ một hình ảnh thiết tha như thế được trong lòng? Hình ảnh của máu lửa đằng xa, trong đôi mắt nàng. Máu và lửa. Biểu tượng kinh khủng của chinh chiến.

Tự bao giờ, chinh chiến là hố sâu ngăn cách. Đại dương của chia rẽ. Con chim uyên đã gãy cánh bên này dòng sông và chim ượng mãi miết với thanh kiếm nơi dặm xa heo hút. Nàng đã trở về để nghe “*sầu lên ngọn ải*”, để thấy “*oán ra cửa phòng*”.

Chinh chiến là thế, “*nhất khứ*” có thể “*bất phục phản*”. Nàng đã thấy gì ở khoảnh khắc vĩnh cửu trong lòng nàng? Một thoáng mà thiên thu tích tụ, nàng thấy gì? Có phải trước mắt là năm tháng quạnh hiu? Có phải sau lưng là nỗi hạnh phúc ngậm ngùi và hiện tại là xót xa cay đắng?

Tôi thấy tôi là cánh bèo lênh đênh trên dòng tâm khắp của nàng. Bởi hơn bao giờ hết, trong ngày tháng cô đơn rã rời này, với những tình cảm mong manh, tôi cơ hồ có những thoáng chốc gặp gỡ ngọt ngào như một giấc mộng chợt đến chợt đi. Tôi cũng nhớ đến Huy Cận: *“tình đi mau, sầu ở lại lâu dài...”*, *“vì ta đợi nên người chẳng đến, người xa ta xa từ buổi sơ sinh”*. Tôi rưng rưng khi đọc những câu thơ buồn bã ấy. Mùa xuân của hạnh phúc đã chết khi mới phôi thai. Cuộc đời bày ra ly biệt để ước mong hội ngộ. Nhưng không còn gì đớng đau hơn khi cuộc ly biệt xảy ra giữa lòng người. Cuộc biệt ly của đôi tình nhân trong vòng ôm triu mến. Gần nhau đó nhưng cách biệt muôn trùng.

Chinh chiến khiến chia ly. Nàng đã oán hận máu lửa. Nhưng tôi còn cảm hận hơn cuộc thánh chiến trong lòng mình. Cuộc chiến tranh không máu lửa nhưng chan hoà nước mắt. Yêu nhau có phải là một âm thanh hoà điệu tuyệt vời giữa hai tâm hồn? Có phải là *“gặp gỡ rồi phút bỗng chia tay”*?

Trong đêm xa xăm, trắng toát, câu thơ trở về như một ám ảnh ray rứt, bấn khoăn.

Tạm biệt có thể là muôn đời không gặp gỡ. Mùa xuân chỉ thoáng hiện để còn lại một mùa đông lê thê buốt rét.

Chiến tranh, như thế đã là tội ác dù được nhân danh bởi một chủ nghĩa nào (3). Là khởi nguồn cho những đớng đau căm giận. Điều đó hiển nhiên để trở thành sáo ngữ khi nói đến.

*Đến đây ta thấy hờn chinh chiến
Trong mắt em chiều lệ chảy quanh*
(Lê Nguyên Ngữ)

Đôi mắt của người em trong thơ hôm nay còn phảng phất đôi mắt xa xưa của nàng khi tâm hồn trông vời theo bóng nhỏ của người chồng yêu dấu:

*Dấu chàng theo lớp mây đưa
Thiếp nhìn rặng núi ngàn ngơ nổi nhà
Chàng thì đi cõi xa mưa gió
Thiếp lại về buồng cũ gối chăn
Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc trái ngàn núi xanh
Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh chỉ mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*

Từ đây, mùa giông bão bắt đầu trong lòng nàng. Cái nhìn của luyến lưu chỉ bắt gặp những mây xanh núi biếc. Có lẽ núi mây như đồng loã với chiến

chinh để ngăn chặn chút hạnh phúc cuối cùng. Giòng sông trôi hoài một nhịp thở càng lúc càng náo nùng ai oán. “*Núi cao chi lắm núi ơi, núi che mặt trời không thấy người thương*”. Bóng tối nhuộm đen đúa hồn nàng đang vội vàng thu lấy hình ảnh của người chồng yêu dấu càng lúc càng mịt mờ cho đến khi mất hút. Có ai nhìn thấy đôi mắt ấy? Đôi mắt như bầu vú, như van nài, ràn rụa nước mắt. Màu xanh của núi rừng, ngàn dâu là màu đen u ám thê lương của lòng nàng.

Bóng chàng đã mất hút thực sự. Nàng còn lại một hồn đầy tưởng tượng mơ màng. Chuỗi liên tưởng từ phút giây đó như sức sống linh thiêng, như hơi thở của trái tim nàng căng đầy một ước vọng đoàn tụ ấm nồng, nhưng thực tại là nỗi cô đơn rét buốt ngóng trông:

*Chàng từ đi vào nơi gió cát
Đêm trăng này nghĩ mát phương nao*

Câu thơ khiến tôi liên tưởng dễ dàng đến hình ảnh của người lính thú hôm nay trong thơ Phạm Ngọc Lư:

*Chiến trường ném binh như vãi đậu
Đoàn quân ma bay khắp bốn phương
Lớp lớp chồm lên đèo bẹp núi
Núi mang cao điểm ngút oan hồn
Đá mang dáng dấp hồn chinh phụ
Trơ vợ chóp núi đứng bồng con
Khu chiến ngày tràn lan lửa dẫy
Đá vọng phu mọc khắp biên cương
Biên cương biên cương đi biển biệt
Chưa hết thanh xuân đã cùng đường
Trông núi có khi lầm bóng vợ
Ôm đá mà mơ chuyện yêu đương
Thôi em sá chi ta mà đợi
Sá chi hạt cát giữa sa trường*

...

*Ngày về không hẹn ngày hôn lễ
Hay là ngày mắt nhắm tay buông*

Hình ảnh của chiến chinh bao giờ cũng như bao giờ, có khác chăng là ở hình thức chiến đấu. Nhưng lòng vẫn một. Đó là lòng mong muốn ngày về. Là nỗi khát khao tốt độ. Là tiếng gào thét giữa núi rừng nghìn năm cô tịch kêu đòi một mùa xuân hạnh phúc đến gần. Hơn bao giờ, người lữ khách, kẻ viễn chinh tha thiết nhớ đến hơi ấm gối chăn gia đình. Tôi nhớ đến người lính trong tác phẩm của Erich Maria Remarque, kẻ đã có một chiều qua xóm lạ, chợt bắt gặp mùi hương *soan* của cổ xứ. Và sau một đêm thao thức nhớ nhung đến mẹ già, đến quê hương, đã mất tích. Chàng đi theo tiếng gọi của trái tim, của mùi hương cổ quận.

Ngày về. Nỗi mong ước thê thảm mà rục rĩ trong lòng người chinh phụ thuở đó và của muôn kẻ muôn đời. Ngày về. Có lẽ đó là niềm hạnh phúc bao la, choáng ngợp của người lính thú. Nhưng hôm nay, chiến trường không chỉ là

nơi quan ải, biên trấn. Chiến trường mọi nơi, mọi chỗ. Chiến tranh có mặt từng phút từng ngày. Từ thôn quê hẻo lánh đến thành phố cuồng nộ. Từ đèo cao dốc thẳm đến vùng biển xa xôi. Từ trong đến ngoài biên cương quốc gia. Tất cả như sẵn sàng đổ nát trước bom đạn rập rình. Ngày về chưa hẳn là mùa xuân như ý, có thể là nỗi đau đớn thống khổ. Ta có thể gặp nỗi ê chề căm hận trong “Màu tím hoa sim” của Hữu Loan:

*Một chiều rừng mưa
Ba người anh từ chiến trường Đông Bắc
Được tin em gái mất
Trước tin em lấy chồng (4)*

Hôm nay, Vũ Hữu Định gặp một tình cảnh bi đát hơn, hầu như nỗi thống khổ tăng dần với tốc độ tiến triển của kỹ nghệ chiến tranh:

*Thôi chẳng về chi thôn xóm quạnh
Nhà xưa giờ chắc cũng điêu tàn
Đứng đây đường cái quan bên núi
Ta cũng đã trầm lòng mê mê*

*Chiều dựng mùa xưa trên vách núi
Chiều neo sương khói buổi ta về
Mẹ chị đàn em không có mộ
Thăm ai? Thăm ai? Ta về quê*

Chiến tranh tự nó là vết ung thư ghê khiếp trên quê hương và trong trái tim người. Nàng chinh phụ ngày xưa có tâm hồn loang lổ vì chờ trông, héo hắt vì mong ngóng. Dù cách xa muôn dặm, vẫn nhớ thương chồng, thương hơn bao giờ hết là đấng khác.

*Tình gia thất nào ai chẳng có
Kìa lão thân khuê phụ nhớ thương
Mẹ già phơ phất mái sương
Con thơ măng sữa vả đương phù trì
Lòng lão thân buồn khi tựa cửa
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm
Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam
Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân
Nay một thân nuôi già, dạy trẻ
Nỗi quan hoài mang mẽ xiết bao!*

Với hôm nay, người vợ hiền có thể khác xưa. Không còn là người chinh phụ Đông phương thuở trước. Không còn “sinh con là một cuộc liều, liều bao nhiêu cuộc bấy nhiêu đoạn trường” (Trần Tuấn Kiệt). Người chinh phụ hôm nay có thể một sớm một chiều mà đổi khác. Bởi như nhận định của một nhà thơ: chiến tranh không nằm một nơi nào nhất định. Chiến tranh ngay trên hè phố đầy lon hộp ngoại nhân. Chiến tranh trong ổ điểm. Trên môi trẻ con ngậm điếu Salem. Ngay trong tòa building cao ngất... Cho nên, ngày trở về có thể như khúc hát hôm nay:

*Rớt tú tài anh đi trung sĩ
Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con
Một mai xong việc nước non (5)
Anh về anh thấy Mỹ con anh bỗng*

Câu cuối nói lên sự chấp nhận cay đắng. Bởi không phương cách nào khác. Cái bi đát của cuộc chiến này là thế đó.

Tôi muốn trở về với người chinh phụ thủy chung kia. Bởi tôi đã thấy được một tấm lòng trong cỏ thơm làn dờ. Có lẽ đó là một thái độ bi quan, tuy nhiên vẫn là thái độ thích nghi nhất để trấn an lòng mình. Còn gì cảm động hơn:

*Thoa cung Hán thưở ngày xuất giá
Gương lầu Tần dấu đã soi chung
Cậy ai mà gọi tới cùng
Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư
Nhấn đeo tay mọi khi ngắm nghía
Ngọc cài đầu thưở bé vui chơi
Cậy ai mà gọi tới nơi
Để chàng trân trọng dấu người tương thân*

Kỷ niệm luôn luôn được nhắc nhở đến hình ảnh cũ, gọi lại chút dư âm của hạnh phúc để cuối cùng rưng rưng trong hoài niệm. Có thể kỷ niệm là chiếc bùa hộ mệnh cho khoảng ngày còn lại giá băng, lay lắt. Bây giờ nàng có đó, với đời sống hoang phế dù còn mẹ già và đàn con trẻ. Tuy thế, vẫn còn một chút hạnh phúc nhỏ nhoi mà hôm nay ta khao khát, bởi bom đạn đã khiến:

*Những người đàn ông không có thì giờ để làm ái tình
Những người đàn bà không có thì giờ để mưu mang
Những bào thai không có thì giờ để ra đời
Những thân thể non không có thì giờ để yêu đương
Những người lớn tuổi không có thì giờ để già nua
Những kẻ bạc đầu không có thì giờ để chu toàn cái chết
(Kiệt Tấn)*

Quê hương bây giờ với thành phố:

*Xe plát-tít nổ giữa phố đông
Giữa phố đông người tung từng mảnh thịt*

Với thôn quê:

*Nơi đồng bào ta ăn bom đạn thay cơm
Nơi vải thô không đủ để chít đầu con trẻ
(Trần Dạ Từ)*

Bởi thế, cây hy vọng hầu như trơ trụi, không xanh um những chồi non lộc biếc như vườn hoa trước nhà nàng chinh phụ thưở trước.

Con người sống, cần phải thấp sáng ánh lửa hy vọng trong lòng giữa trí, bởi lẽ thiếu hy vọng con người sẽ hiu hắt sống đời sống của một nỗi chết buồn rầu, lạnh lẽo. Và hơn đâu hết, nghệ thuật là hiện thể cao độ nhất của ước mơ. Thiếu ước mơ, đời sống khô cỗi và nghệ thuật tiêu trầm. Nói cách khác, hy vọng chính là sức sống.

Người chinh phụ cũng thế. Niềm tin tưởng hướng về một ngày về của chồng được bày tỏ tha thiết, man mác sâu trong khúc ca đẹp và thực, huyền hoặc và uyển chuyển, diễn tả qua hành động mê tín đầy tính chất đàn bà:

*Màn mưa trướng tuyết xông pha
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài
Đề chữ gấm phong thổi lại mờ
Gieo bói tiền tin dờ còn ngờ*

Trong tác phẩm, ta còn bắt gặp những chi tiết tương tự như thế. Tất cả đều nói lên một tâm trạng được nuôi dưỡng bằng hơi thở của hy vọng. Hy vọng một ngày căng tràn nắng ấm, chan chứa tiếng cười hoan lạc của mùa xuân hạnh phúc:

*Anh đã tin và tôi đã tin
Ngày quê hương cười bát ngát
(Tân Hoài Dạ Vũ)*

Và khi đó:

*Anh sẽ dạy con biết yêu tiếng Mẹ
Đem ca dao làm khúc hát tỏ tình
Sẽ cày ruộng ươm tằm nuôi chí trẻ
Bên bếp hồng kể sự tích Rồng Tiên
(THDV.)*

Vì:

*Đời chúng ta mưa nên đời con phải nắng
Thân thể chúng ta tật nguyên nên con phải đầy đủ chân tay
(THDV.)*

Ước vọng, nói như một khẳng định, sẽ không bao giờ chết trong lòng người dù thực tế đã tận cùng bi đát. Lúc nào còn hơi thở là lúc đó niềm hy vọng còn thơm ngát như hương cau mỗi sớm.

Chiến chinh đồng nghĩa với giọt lệ. Nhưng trong giọt lệ ta còn tìm thấy nắng hồng của hy vọng, “trong tiếng khóc” còn tìm được “nụ cười xanh non” (Du Tử Lê).

Người chinh phụ vẫn chờ một sớm mai từ đằng xa thấp thoáng bóng người tình nàng nâng khăn sửa áo. Dù bây giờ vẫn:

Trời hôm, tựa bóng ngân ngờ

*Trăng khuya, nương gối bờ phờ tóc mai
Há như ai hôn sai bóng lẫn
Bóng thơ thơ thần thần hư không
Trâm cài, xiêm giắt thẹn thùng
Lệch làn tóc rối, lỏng vòng lưng eo*

Hình ảnh tiêu tụy đó đã gây một chấn động trong lòng người đọc. Từng chữ là một tiếng nấc khô, héo hắt. Đọc từng câu để nghe cảm xúc dâng tràn.

Dưới một đêm trăng, trong một khuya về sáng, lẻ loi một mình, người chinh phụ như mất hồn thất bóng. Trái tim nàng như bay theo gió bụi bên chông trên dặm trường thiên lý. Dung nhan từ đó vô ích:

*Mặt biếng tô miêng càng biếng nói
Sớm lại chiều dòi dôi nương song
Nương song luống ngẩn ngơ lòng
Vắng chàng điểm phấn tô hồng với ai*

Thời gian là con dao hai lưỡi. Ở đây, đã rạch nát trên mặt nàng những nét nhăn gấp nếp vì sầu nhớ tương tư. Là bàn tay đã ngắt đi những búp hoa trên thanh xuân nàng. Câu thơ chứa rất nhiều ẩn dụ đã nói lên điều đó:

*Cảnh buồn người thiết tha lòng
Cành cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun
Sương như búa bổ mòn gốc liễu
Tuyết dường cưa xẻ héo cành ngô
Giọt sương phủ bụi chim gù
Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi*

Câu thơ chày dài cảm xúc như tiếng khóc cô đơn tha thiết nhất. Alfred de Musset đã nói: tiếng khóc trầm thống nhất là bài thơ hay nhất. Đây chính là đoạn thơ hay nhất. Cái hay của ngôn từ chày chuốt, dẻo gọt để chính xác diễn tả. Sương là biểu tượng của thời gian, đã bổ mòn gốc liễu là căn phần, thân phận nàng. Tuyết là nỗi băng lạnh cóng buốt của cảm cảm cô độc, xẻ héo cành ngô là màu xanh hy vọng trong trái tim nàng loang lổ, tả tơi.

Bao giờ cũng thế, “*người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”. Tiếng chim hót là tiếng mĩa mai. Hồi trống vọng là lời châm chích vào tâm hồn quạnh quẽ nàng:

*Ca quyên gheo làm rơi nước mắt
Trống tiêu khua, như đốt buồng gan*

...
*Vì chàng, lệ thiếp nhỏ đôi
Vì chàng, thân thiếp lẻ loi một bề*

Quá đau đớn, nàng đắm nghi ngờ. Ở đây, người đọc có thể bắt gặp được nỗi lòng của nàng, tâm lý của người nữ với ánh mắt cho đi quá nhiều thương nhớ nhưng nhận được chỉ bóng hư vô:

Hương dương lòng thiếp như hoa

*Lòng chàng lẩn thẩn e tà bóng dương
Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái
Hoa để vàng bởi tại bóng dương
Hoa vàng hoa rụng quanh tường
Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần?*

Nghệ thuật tuyệt vời khi lách đi lách lại tiếng “hoa”, khiến cho người đọc cảm thấy màu vàng của hương dương bay tan tác, mênh mang, và thấy rõ được một dung nhan tâm hồn, một tấm lòng vàng rơi tàn từng cánh, từng cánh.

Gió bụi của chinh chiến khiến một hồng nhan tuyệt vời thành một kẻ già nua buồn bã. Nụ cười trở thành hiềm muộn và dư thừa giọt lệ mỗi mòn sâu nhớ.

Tâm hồn của nàng đã được vẽ lại thành một dòng thơ chan chứa những hình ảnh màu sắc buồn rầu, khô chết. Thơ như thế không còn là thơ, đó là một hành động mãnh liệt và nhiệt tình nhất để phản đối chiến tranh. Tài hoa của Đặng Trần Côn quá đổi tuyệt vời. Dòng tâm khấp của người chinh phụ được dàn trải bằng chính máu của thi sĩ.

Trở lại trong hầm tối của ông năm xưa, tôi thấy một bóng hình tiều tụy, bơ phờ đang gục trên bàn, vách lay lắt ngọn đèn vàng úa sắp tắt. Người đời vẫn nghĩ theo một truyền thuyết, Nguyễn Du khi sáng tác tác phẩm “*Đoạn trường tân thanh*” đã phải lót sách để nằm, và từ đầu hôm cho tới sáng, khi dòng cuối dứt, người đã già đi hai mươi tuổi, tóc râu thậm thụt, xác xơ, trắng xoá. Tôi tin chắc Đặng Trần Côn cũng thế, và mọi nghệ sĩ đều khổ như một câu thơ của người xưa:

*Người đẹp phận thường hay chết yểu
Thi nhân đầu bạc sớm hơn ai*

Bên ngọn đèn cạn dầu, Đặng Trần Côn với đôi mắt trắng đục, người đã thấy gì ở chung quanh? Có phải mỗi phân vuông trên bức vách của căn hầm ẩm thấp, lạnh lùng là một đôi mắt nhưng của muôn ngàn chinh phụ đang cảm căm não nuột ngó nhìn?...

Tôi đã hỏi, đã tưởng tượng rồi chẳng bao giờ có thể tự đáp cho chính mình. Bởi tôi váng vất, say mê, choáng ngợp trước vẻ toàn bích của tác phẩm đông đầy máu lệ đó. Tôi rong ruổi, lết lê theo từng chữ từng câu. Những thoáng của hiện tại hoà nhập với từng giây của thuở xưa xa lắc. Tôi quên và nhớ. Tôi sáng suốt đến ráo hoảnh và u mê như bóng đêm đen đúa. Tôi lạc loài trong tác phẩm. Những giòng chữ này được viết ra trong một tâm trạng như thế nên có thể đảo lộn, xoá bỏ mọi trật tự thông thường. Có thể đặt tên cho nó là gì? Biên khảo, tùy bút, tâm bút vân vân. Tôi gọi đó là giao bút, là một thoáng gặp gỡ giữa hồn và hồn, trong tháng ngày quanh quẩn tôi sống hôm nay...

... Hegel nói: thơ là ngôn ngữ mới nhất. Một nhà thơ nói: thơ là hành động mới nhất. Tôi muốn nói: thơ là nơi hẹn hò gặp gỡ mới nhất trong cuộc bụi lầm thối khổ này.

Nói theo một triết gia: không ai tắm hai lần trong một dòng sông. Một học giả nói: không ai đọc hai lần một tác phẩm. “*Chinh phụ ngâm khúc*” trên bàn viết của tôi ngày mai sẽ thế nào? Không biết, nên trân trọng ghi lại và đọc lớn cho bạn bè cùng nghe cảm giác hôm nay để đánh dấu một bước đi trong cuộc đời của người viết./.

Trần Xuân An

Đêm 08.02.1973 (6)

Chú thích: Tôi (TXA.) đã gõ phím vi tính lại bài viết này vào tối 12-9 HB11 (2011). Tôi giữ đúng y nguyên văn trên bản in ronéo, kể cả cách chấm câu, có khá nhiều dấu chấm tu từ. Tuy vậy, tôi cũng đã chỉnh sửa lại một ít chữ sai lỗi chính tả (dấu hỏi, dấu ngã) và điền vào vài chữ bị sót, sửa vài chữ bị lầm lẫn, khi Ban Báo chí của lớp cho đánh máy trên giấy sếp (stencil). Đó chỉ là những lỗi về kĩ thuật in ấn, chứ không phải lỗi về diễn đạt hay ý tưởng. Xin vui lòng đối chiếu với ấn bản ronéo (1973-1974), tôi đã quét chụp (scan) lại.

(*) Giai phẩm gồm các tác phẩm (thơ, văn, nhạc, tranh...) của các tác giả (học sinh cùng lớp 12C, PCT., ĐN., 73-74): Đỗ Nguyễn Anh Xuân, Phan Sơn Ca (Phan Văn Hoà?), TR.-CHP. (Cao Hùng Phi), Trung Nguyên Huyền Vũ (Võ Văn Tám, Võ Nguyên?), Hà Như Bích, Vũ Trung (Vũ Văn Trung?), Nguyễn Phan, Lê Thị Ngọc Lan, Nguyễn Hân, V.D., Lê Thiêm Xuân (viết tại Trung Hoà?), Lê Thị Thanh Hằng, Nguyễn Hiền, Trần Xuân An, Phi (Cao Hùng Phi?), Nguyễn Tấn Đức, Phạm Ngọc Văn, Trần Thụy Châu, Ngọc Lan, ĐX. Mỹ (Đoàn Xuân Mỹ), Phan, Bích Loan, Xuân Lộc (Nguyễn Thị Xuân Lộc), Nguyễn Minh (Nguyễn Hưng Minh Tâm?)...

(**) Chữ kí, thủ bút lưu niệm của các bạn trên bản giai phẩm Phùng Văn Hoàng trao cho tôi: Phạm Hồng Thắng, Nguyễn Hiền, Trang, Trần Thị An, Lệ Nhung, Bích Loan, Bích Hải, Bình (Trần Xuân Bình?), Hồng, Lệ Xuân, Bê, Tâm (Tâm cận), Nguyễn Trung, Ánh Tuyết, H. Sanh, Tôn Thất Vạn, Tri, Võ Ngọc Bích... và tôi (Trần Xuân An). Cũng có vài bạn khác kí tên, ghi thủ bút nhưng không ghi tên họ.

(1) Có lẽ ở ngữ cảnh này, chỉ dùng từ “cô độc” (một mình), nghiêng về nghĩa thực trạng hoàn cảnh sáng tác.

(2) Chỉ là một cách nói cường điệu để nhấn mạnh sự cảm thụ văn chương không chỉ bằng kiến thức văn học, thuộc về trí tuệ (cái đầu), mà còn bằng năng lực và phẩm chất tâm hồn (trái tim)...

(3) Các chủ nghĩa (học thuyết) ở Miền Nam Việt Nam lúc đó (các chủ nghĩa chính trị: Cần lao – Nhân vị – TCG.; chủ nghĩa tự do [chống cộng]; chủ nghĩa trung lập [con đường thứ ba]...).

(4) Theo thông tin sau Ngày Thống nhất: “Người em” trong bài “*Màu tím hoa sim*”, là Lê Đỗ Thị Ninh, vợ của nhà thơ Hữu Loan. Vào tháng 5 năm 1949, cô Ninh mất, khi mới 16 tuổi, do chết đuối, chứ không phải do súng đạn chiến tranh.

(5) “*Việc nước non*” theo quan niệm của người lính chế độ cũ.

(6) Có lẽ chính xác là: Đêm 08-12-1973 (mùng tám, tháng mười hai, năm một chín bảy ba).

Filename: txa_toi-va-nang-chinh-phu-xa-xua_08-02-1973
Directory: D:\USB_O-cung-di-dong_den-ngay-14-8HB11\toi-va-nang-chinh-phu-xa-xua
Template: C:\Documents and Settings\NhanVan\Application Data\Microsoft\Templates\Normal.dot
Title:
Subject:
Author: Windows
Keywords:
Comments:
Creation Date: 9/14/2011 4:00:00 PM
Change Number: 20
Last Saved On: 9/17/2011 9:21:00 PM
Last Saved By: Windows
Total Editing Time: 45 Minutes
Last Printed On: 9/17/2011 9:21:00 PM
As of Last Complete Printing
Number of Pages: 24
Number of Words: 3.920 (approx.)
Number of Characters: 22.348 (approx.)